

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2342/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục đề cương điều tra phân bố tình trạng, cấu trúc đàn, đặc điểm sinh thái chương trình giám sát loại Chà vá chân đen ở núi Chứa Chan, huyện Xuân Lộc của Chi cục Kiểm lâm trực thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 3510/STC-QLG&CS ngày 02/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục đề cương điều tra phân bố tình trạng, cấu trúc đàn, đặc điểm sinh thái chương trình giám sát loại Chà vá chân đen ở núi Chứa Chan, huyện Xuân Lộc của Chi cục Kiểm lâm trực thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, cụ thể:

- Danh mục tài sản, dịch vụ: Đề cương điều tra phân bố tình trạng, cấu trúc đàn, đặc điểm sinh thái chương trình giám sát loại Chà vá chân đen ở núi Chứa Chan, huyện Xuân Lộc (chi tiết đính kèm).

- Tổng giá trị tài sản, dịch vụ khoảng: 2.124.845.000 đồng (Bằng chữ: hai tỷ, một trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), đã bao gồm thuế GTGT.

- Nguồn vốn: Nguồn sự nghiệp lâm nghiệp đã giao dự toán cho Chi cục Kiểm lâm.

Điều 2. Chi cục Kiểm lâm thực hiện nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Chi cục Kiểm lâm và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch và Các Phó Chủ tịch;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, KTNS

ThaiTM

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quốc Hùng

DANH MỤC CHI TIẾT ĐỀ CƯƠNG ĐIỀU TRA CỦA CHI CỤC KIỂM LÂM

Kèm theo Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh



TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Định mức	Nhu cầu công	Hệ số lương	Đơn giá công	Thành tiền (đồng)
I	CHI PHÍ CHO CÁC NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN CỦA ĐỀ XUẤT							1.905.762.598
1	Điều tra phân bố, tình trạng, cấu trúc, một số đặc điểm sinh thái học, Chà và chân đen (<i>Pygathrix nigripes</i>) và đề xuất giải pháp bảo tồn ở núi Chứa Chan, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.	1.490.000						1.134.935.884
1.1	Công lao động							786.803.884
a	Công tác chuẩn bị							23.505.756
-	Xây dựng đề cương	CT	1	8.8	8.8	5.42	367.082	3.230.320
-	Hội nghị góp ý thông qua đề cương dự toán	CT	1	20	20	5.08	344.055	6.881.091
-	Chỉnh sửa đề cương dự toán	CT	1	3.5	3.5	5.08	344.055	1.204.191
-	Thu thập tài liệu, bản đồ phục vụ công trình	CT	1	15	15	3.33	225.532	3.382.977
-	Thiết kế kỹ thuật	CT	1	10	8.8	5.42	367.082	3.230.320
-	Cán vẽ bản đồ ngoại nghiệp	ha	1.792.25	0.0017	3.0	2.41	163.223	497.311
-	Tập huấn thống nhất biện pháp kỹ thuật	c/ng/năm	3	5	15	3	203.182	3.047.727
-	Chuẩn bị dụng cụ, kỹ thuật đời sống	CT	1	10	10	3	203.182	2.031.818
b	Công ngoại nghiệp							559.510.386
-	Sơ thám, làm các thủ tục hành chính với địa phương	c/xã	2	20	40.0	4.65	314.932	12.597.273
-	Di chuyển quân trong khu vực điều tra	c/km	200	0.2	40.0	3.99	270.232	10.809.273
-	Làm lần trải	c/ha	1.792.25	0.001	1.8	2.67	180.832	324.096
-	Mở tuyến điều tra	c/km	30	3.3	99.0	2.06	139.518	13.812.300
-	Điều tra chà và chân đen trên tuyến	c/km	30	2.87	86.1	5.08	344.055	29.623.096
-	Khoanh vẽ bản đồ phân bố Chà và chân đen	c/ha	1.792.25	0.02	35.8	3.26	220.791	7.914.250
-	Khoanh vẽ bản đồ phục hồi sinh cảnh cho Chà và chân đen	c/ha	1.792.25	0.02	35.8	3.26	220.791	7.914.250

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Định mức	Nhu cầu công	Hệ số lương	Đơn giá công	Thành tiền (đồng)
-	Chọn điểm điều tra Chà và chân đen	c/điểm	30	0.5	15.0	3.46	234.336	3.515.045
-	Điều tra theo điểm	c/điểm	30	10	300.0	4.98	337.282	101.184.545
-	Điều tra dấu vết Chà và chân đen trong OTC	Ô	5	10	50.0	4.98	337.282	16.864.091
-	Điều tra dấu vết Chà và chân đen (vết ăn, phân, bẻ cành,... trên tuyến)	c/km	30	10	300.0	4.74	321.027	96.308.182
-	Lập OTC 2000m2	Ô	5	2	10.0	3.46	234.336	2.343.364
-	Đo đếm ô tái sinh	Ô	40	0.05	2.0	3.46	234.336	468.673
-	Điều tra thực vật trên OTC	Ô	5	11	55.0	4.32	292.582	16.092.000
-	Thu mẫu, định loại mẫu, chụp ảnh (động vật, thực vật, sinh cảnh, tác động, mẫu thực vật, mẫu thức ăn)	M	60	5	300.0	4.98	337.282	101.184.545
-	Điều tra dân sinh kinh tế XH	c/xã	5	20	100.0	3.06	207.245	20.724.545
-	Phòng vấn hộ dân và người liên quan	c/hộ	100	0.5	50.0	3.06	207.245	10.362.273
-	Chỉ cho hộ dân và người liên quan cung cấp thông tin	Phiếu	100				50.000	5.000.000
-	Chỉ cho người dẫn đường	Ngày	154				100.000	15.400.000
-	Thu thập các chỉ tiêu định mức KTXH	c/CT	1	16	16.0	3.06	207.245	3.315.927
-	Thu thập tư liệu hiện có ở địa phương	c/CT	1	15	15.0	3.26	220.791	3.311.864
-	Hoàn chỉnh bản đồ, số liệu ngoại nghiệp	c/ha	1.792.25	0.005	9.0	5.42	367.082	3.289.512
-	Làm việc thống nhất số liệu với các ban QLR, địa phương	c/CT	1	15	15.0	3.26	220.791	3.311.864
-	Chuyên quân và rút quân ngoại nghiệp	c/ng/CT	2	5	10.0	3.99	270.232	2.702.318
-	Điều tra đánh giá tác động đa dạng sinh học	CT	1	10	10.0	3.26	220.791	2.207.909
	Kiểm tra ngoại nghiệp	Công/ct	1596	0.07	111.7	4.65	314.932	35.174.119
-	Công phục vụ (1/15)		1.707	1/15	113.8	4.03	296.577	33.755.072
c	Công nội nghiệp				1.821.0			203.787.743
-	Nhập số liệu theo các biểu điều tra	c/biểu	1000	0.05	50	3.99	270.232	13.511.591
-	Tính toán tài liệu trên điểm điều tra	c/điểm	30	4	120	3.99	270.232	32.427.818
-	Tính toán tài liệu trên tuyến điều tra Chà và chân đen	c/km	30	0.17	5.1	3.66	247.882	1.264.197
-	Tính toán ô đo đếm tái sinh	Ô	40	0.01	0.4	3.99	270.232	108.093
-	Tính toán xử lý số liệu OTC	Ô	5	0.125	0.625	4.99	337.959	211.224
-	Giám định mẫu động thực vật	c/Mẫu	60	0.5	30	4.32	292.582	8.777.455
-	Số hóa bản đồ	M	2	25	50	4.65	314.932	15.746.591

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Định mức	Nhu cầu công	Hệ số lương	Đơn giá công	Thành tiền (đồng)
-	Thành lập cơ sở dữ liệu trên máy tính	c/lần	1	100	100	4.98	337.282	33.728.182
-	Xây dựng sơ đồ sinh cảnh chà và chân đen	c/S. đồ	3	2	6	4.32	292.582	1.755.491
-	Xây dựng sơ đồ phân bố Chà và chân đen	c/S. đồ	3	2	6	4.32	292.582	1.755.491
-	Trình bày bản đồ tỷ lệ 1/10.000 đến 1/250.000	c/bộ	20	2	40	2.77	187.605	7.504.182
-	Phân tích số liệu điều tra	CD	1	22	22	4.65	314.932	6.928.500
-	Lập danh lục thực vật và danh lục thức ăn	DM	1	60	60	6.44	436.164	26.169.818
-	Viết báo cáo thuyết minh	CD	1	40	40	4.65	314.932	12.597.273
-	Chỉnh sửa tài liệu báo cáo	CD	1	15	15	3.99	270.232	4.053.477
	Kiểm tra nội nghiệp	C	545.125	0.15	81.769	4.32	292.582	23.924.050
	In ấn, giao nộp tài liệu, thành quả	CT	1	8	8	3.27	221.468	1.771.745
-	Công phục vụ (1/15)	c/CT	634.89	1/15	42.3	4.03	272.941	11.552.565
1.2	Nguyên vật liệu, năng lượng							348.132.000
a)	Nguyên vật liệu							55.500.000
-	Pin Sony phục vụ máy GPS Pin AA(2A) Energizer Alkaline	cặp	500				25.000	12.500.000

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Định mức	Nhu cầu công	Hệ số lương	Đơn giá công	Thành tiền (đồng)
	Văn phòng phẩm (dùng cho 4 đợt, mỗi đợt 6.000.000đ) - Pin đèn phục vụ điều tra: 5 cặp - Pin máy bẫy ảnh/máy ảnh: 40 cặp - Pin máy flycam: 10 hộp - USB: 5 chiếc - Thẻ Máy bẫy ảnh: 10 chiếc. - Đĩa DVD: 20 chiếc - Pin đèn thấp sáng: 10 đôi - Đèn đội đầu: 10 chiếc - Giấy A4 10gam, A0 30 tờ - Bút phốt: 10 hộp - Bút không xóa đánh dấu tẩy: 5 hộp - Túi clean: 30 tép (12 cái/ tép) - Sổ tay điều tra: 30 cuốn - Bút thiên long: 30 cây - Bút chì : 50 cây - Mực in: 5 hộp - Sơn đánh dấu tẩy: 10 hộp - Dây lập OTC: 4kg - Áo mưa: 10 bộ - Kẹp tiêu bản: 10 chiếc - Dây đánh dấu tẩy: 4 kg							
-	Quần áo bảo hộ -Áo rằn ri, bộ quốc phòng, xuất xứ việt Nam, cỡ XL, XXL, M	bộ	40				300.000	12.000.000
-	Giày, tất đi rừng (vải xô cặp đi rừng)	bộ	50				100.000	5.000.000
-	Dao phát, Y tế (thuốc chống vắt, bông, băng, thuốc chống sốt,...)	Ct	1				2.000.000	2.000.000
b)	Năng lượng, nhiên liệu, đi lại, nhà nghỉ							292.632.000

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Định mức	Nhu cầu công	Hệ số lượng	Đơn giá công	Thành tiền (đồng)
-	Thuê xe chuyển quân đi và về (10 chuyển) Từ Biên Hòa đi các xã thuộc huyện Xuân Lộc, đi chuyển đến địa điểm nghiên cứu, dự kiến 3 khu vực chính và 4 xã; xe 16 -24 chỗ.	lượt	10				2.600.000	26.000.000
-	Nhiên liệu cho xe máy điều tra hiện trường (E5)	lít	1200				19.610	23.532.000
-	Chi phí đi lại cho các chuyên gia vẽ máy bay (3 người/ 2 lượt/1 năm, Hà Nội - Hồ Chí Minh - Hà Nội) - Hãng vé: Bamboo - Hãng vé: phở thông tiêu chuẩn.	lượt	6				5.500.000	33.000.000
-	Chi phí xe ô tô đi từ Hà Nội đến sân bay Nội Bài (3 người/ 2 lượt/2 năm)	lượt	12				2.000.000	24.000.000
-	Chi phí xe ô tô từ sân bay Tân Sơn Nhất đến huyện Xuân Lộc, Đồng Nai ngược lại (3 người/ 2 lượt/2 năm)	lượt	12				3.000.000	36.000.000
-	Thuê nhà nghỉ 3 người x 3 phòng x19 đêm (đi hiện trường)	đêm	171				300.000	51.300.000
-	Pin phục vụ các thiết bị GPS, máy ảnh. Pin CR2 Panasonic Lithium 3V . Hộp 10 viên	hộp	10				1.000.000	10.000.000
-	Bản đồ địa hình vùng dự án - Bản đồ từ tổng cục bản đồ và in ra tỉ lệ 1/25.000	bộ	5				1.200.000	6.000.000
-	Thuốc sắt 10m, thuốc dây 30m	cái	20				50.000	1.000.000
-	Địa bàn cầm tay Suntto	cái	10				200.000	2.000.000
-	Chi phí Hội nghị thông qua báo cáo kết quả Điều tra phân bố, tình trạng, cấu trúc, một số đặc điểm sinh thái học, Chà và chà đen và đề xuất giải pháp bảo tồn ở núi Chứa Chan, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.	Hội nghị	2	Chi tiết tại Phụ lục kèm theo			39.900.000	79.800.000
2	Điều tra giám sát và thiết lập chương trình giám sát Chà và chà đen ở núi Chứa Chan.							770.826.714
2.1.	Công lao động							423.094.714
a	Công tác chuẩn bị							13.907.254
-	Thu thập tài liệu, bản đồ phục vụ công trình	CT	1	15	15	3.33	225.532	3.382.977

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Định mức	Nhu cầu công	Hệ số lương	Đơn giá công	Thành tiền (đồng)
-	Thiết kế kỹ thuật	năm	2	3.5	17.6	5.42	367.082	6.460.640
-	Chuẩn bị dụng cụ, kỹ thuật đòi sống	năm	2	10	20	3	203.182	4.063.636
b	Công ngoài nghiệp				52.6			224.381.031
-	Di chuyển quân trong khu vực điều tra	c/km	200	0.2	40	3.99	270.232	10.809.273
-	Làm lán trại	c/ha	1.792.25	0.001	1.79225	2.67	180.832	324.096
-	Mở tuyến điều tra (mở tuyến 1 lần)	c/km	30	3.3	99	2.06	139.518	13.812.300
-	Khoanh vẽ bản đồ phân bố Chà và chân đen	c/ha	1.792.25	0.02	35.845	3.26	220.791	7.914.250
-	Chọn điểm điều tra giám sát Chà và chân đen	c/điểm	30	0.5	15	3.46	234.336	3.515.045
-	Điều tra Chà và chân đen theo điểm (30 điểm/năm)	c/điểm	30	10	300	4.98	337.282	101.184.545
-	Điều tra trên tuyến (20 tuyến x 30km)	c/km	30	2.87	86.1	5.08	344.055	29.623.096
-	Phòng vấn hộ dân (100 hộ)	c/hộ	100	0.5	50	3.06	207.245	10.362.273
-	Chi cho hộ dân và người liên quan cung cấp thông tin (100 hộ)	Phiếu	100				50.000	5.000.000
-	Thu thập tư liệu hiện có ở địa phương	năm	1	15	15	3.26	220.791	3.311.864
-	Hoàn chỉnh bản đồ, số liệu ngoài nghiệp	c/ha	1.792.25	0.005	8.96	5.42	367.082	3.289.512
-	Làm việc thống nhất số liệu với các ban QL.R, địa phương	năm	1	15	15.00	3.26	220.791	3.311.864
-	Chuyển quân và rút quan ngoài nghiệp	c/ng/CT	2	4	8.00	3.99	270.232	2.161.855
-	Điều tra đánh giá tác động đa dạng sinh học	CT	1	10	10	3.26	220.791	2.207.909
-	Kiểm tra ngoài nghiệp	công/ct	684.70	7%	47.93	4.65	314.932	15.094.334
-	Công phục vụ (1/15)	c/CT	684.70	1/15	45.6	4.03	272.941	12.458.815
c	Công nội nghiệp				778.3			184.806.429
-	Nhập số liệu theo các biểu điều tra (1000 biểu/dợt)	c/biểu	2000	0.05	100	3.99	270.232	27.023.182
-	Tính toán tài liệu trên điểm điều tra (30 điểm)	c/điểm	30	4	120	3.99	270.232	32.427.818
-	Tính toán tài liệu trên tuyến điều tra Chà và chân đen (30 km)	c/km	30	0.17	5.1	3.66	247.882	1.264.197
-	Thành lập cơ sở dữ liệu trên máy tính (2 lần)	c/lần	2	100	200	4.98	337.282	67.456.364
-	Xây dựng sơ đồ phân bố Chà và chân đen	c/S. đồ	3	2	6	4.32	292.582	1.755.491
-	Trình bày bản đồ tỷ lệ 1/10.000	c/bộ	3	2	6	2.77	187.605	1.125.627
-	Phân tích số liệu điều tra chuyên đề (mỗi đợt điều tra 1 lần)	CD	2	10	20	4.65	314.932	6.298.636
-	Viết báo cáo chuyên đề (mỗi đợt 1 báo cáo)	CD	2	40	80	4.65	314.932	25.194.545

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Định mức	Nhu cầu công	Hệ số lương	Đơn giá công	Thành tiền (đồng)
-	Chỉnh sửa tài liệu báo cáo (mỗi đợt 1 lần)	CD	2	15	30	3.99	270.232	8.106.955
-	In ấn, giao nộp tài liệu, thành quả (mỗi đợt 1 lần)	c/CT	2	8	16	3.27	221.468	3.543.491
-	Công phục vụ (1/15)	c/CT	583.1	1/15	38.9	4.03	272.941	10.610.123
2.2	Nguyên vật liệu, năng lượng				622.0			347.732.000
a)	Nguyên vật liệu							84.400.000
-	Vật tư, phim ảnh, dụng cụ thực địa	đợt	2				15.000.000	30.000.000
	Chi tiết Vật tư, phim ảnh, dụng cụ thực địa							
	Còn ngâm tiêu bản	Kg	15				90.000	1.350.000
	Nước uống	Lít	50				3.000	150.000
	Lều trại dã ngoại tự động 4-6 người Travel Home - Travel T12							
	Chất liệu: Polyester 190T phủ lớp chống nước PU3000mm có kết hợp lưới B3 mật độ cao. Chất liệu dày, bền, nhẹ, phù hợp sử dụng trong điều kiện thời tiết khô, thoáng hoặc mưa nhỏ							
	- Vải dày: Vải PE dày dặn, chịu mài mòn cao, phủ thêm lớp chống nước PU8000	Chiếc	2				2.550.000	5.100.000
	-Khung lều: Chất liệu sợi thủy tinh chất lượng cao, khả năng uốn dẻo cực tốt, không dễ bị gãy, hư hỏng							
	- Kích thước: 290cm x 200cm x 130cm (dài x rộng x cao).							
	Khối lượng 3,65 kg							
	Túi ngủ Naturehike ML150	Chiếc	5				875.000	4.375.000
	Túi bóng đựng mẫu	Kg	5				20.000	100.000
	Bộ đồ lều ăn gồm: xoong, bát đĩa,,	Bộ	1				1.800.000	1.800.000
	Dao cắt tiêu bản	Chiếc	3				125.000	375.000
	Bàn đồ vùng nghiên cứu	Bộ	5				350.000	1.750.000

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Định mức	Nhu cầu công	Hệ số lương	Đơn giá công	Thành tiền (đồng)
-	Văn phòng phẩm (dùng cho 4 đợt, mỗi đợt 5.000.000đ) - Pin đèn phục vụ điều tra: 4 cặp - Pin máy bẫy ảnh/máy ảnh: 35 cặp - Pin máy flycam: 8 hộp - USB: 4 chiếc - Thẻ Máy bẫy ảnh: 9 chiếc. - Đĩa DVD: 15 chiếc - Pin đèn thấp sáng: 8 đôi - Đèn đội đầu: 8 chiếc - Giấy A4 8gam, A0 25 tờ - Bút phốt: 10 hộp - Bút không xóa đánh dấu tuyến: 5 hộp - Túi clean: 25 tép (12 cái/ tép) - Sổ tay điều tra: 20 cuốn - Bút thiên long: 22 cây - Bút chì : 50 cây - Mực in: 5 hộp - Sơn đánh dấu tuyến: 7 hộp - Dây lập OTC: 3kg - Áo mưa: 7 bộ - Kẹp tiêu bản: 7 chiếc - Dây đánh dấu tuyến: 4 kg	đợt	4				5.000.000	20.000.000
-	Quần áo bảo hộ - Áo rằn ri, bộ quốc phòng, xuất xứ việt Nam, cỡ XL, XXL, M	bộ	20				300.000	6.000.000
-	Giày, tất đi rừng (vải xà cạp đi rừng)	bộ	30				100.000	3.000.000
-	Pin phục vụ các thiết bị GPS, máy ảnh. Pin CR2 Panasonic Lithium 3V . Hộp 10 viên	hộp	20				1.000.000	20.000.000
-	Bản đồ địa hình vùng dự án - Bản đồ từ tổng cục bản đồ và in ra tỉ lệ 1/25.000	bộ	2				1.200.000	2.400.000
-	Thước sắt 10m, thước dây 30m	cái	20				50.000	1.000.000

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Định mức	Nhu cầu công	Hệ số lương	Đơn giá công	Thành tiền (đồng)
-	Dao phát, thuốc Y tế (thuốc chống vắt, thuốc chống sốt, dịch tả, thương hàn, bông, băng,...)	Ct	1				2.000.000	2.000.000
b)	Năng lượng, nhiên liệu, đi lại, nhà nghỉ							263.332.000
-	Thuê xe chuyên quân đi và về (10 chuyến) Từ Biên Hòa đi các xã thuộc huyện Xuân Lộc, đi chuyển đến địa điểm nghiên cứu, dự kiến 3 khu vực chính và 4 xã; xe 16 -24 chỗ.	Chuyến	10				2.500.000	25.000.000
-	Nhiên liệu cho xe máy điều tra hiện trường (E5)	lít	1.200				19.610	23.532.000
-	Chi phí đi lại cho các chuyên gia vé máy bay (3 người/ 2 lượt/1 năm, Hà Nội - Hồ Chí Minh - Hà Nội)	lượt	12				5.500.000	66.000.000
-	- Hãng vé: Bamboo - Hãng vé: phở thông tiêu chuẩn.							
-	Chi phí xe ô tô đi từ Hà Nội đến sân bay Nội Bài (3 người/ 2 lượt/2 lần)	lượt	12				2.000.000	24.000.000
	Chi phí xe ô tô từ sân bay Tân Sơn Nhất đến huyện Xuân Lộc, Đồng Nai ngược lại (3 người/ 2 lượt/2 lần)	lượt	12				3.000.000	36.000.000
-	Thuê nhà nghỉ 3 người x 3 phòng x 10 đêm (làm việc tại huyện Xuân Lộc)	đêm	30				300.000	9.000.000
-	Chi phí Hội nghị thông qua báo cáo kết quả Điều tra phân bố, tình trạng, cấu trúc, một số đặc điểm sinh thái học, Chà vá chân đen và đề xuất giải pháp bảo tồn ở núi Chứa Chan, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.	Hội nghị	2		Chi tiết tại Phụ lục kèm theo		39.900.000	79.800.000
II	Chi phí quản lý 12%							117.900.213
III	Chi phí thuế VAT 5%						3.358.0	101.183.141
							4.32	292.582
CỘNG (I+II+III):								
TỔNG CỘNG (Làm tròn):								
								2.124.845.951
								2.124.845.000

Bảng chú: Hai tỷ, một trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng./.

PHỤ LỤC CHI TIẾT CHI PHÍ HỘI NGHỊ BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐIỀU TRA

(Kèm theo Quyết định số 2342/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hạng mục chi	ĐVT	Số lượng	Số người	Tổng khối lượng	Định mức	Thành tiền (Đồng)
	Cộng	Hội nghị			1		39.900.000
	Chi tiết định mức chi cho hội nghị Báo cáo kết quả điều tra						
-	Thuê hội trường, máy chiếu, trang thiết bị phục vụ hội nghị báo cáo 1 đợt/1 năm	Hội nghị	1		1	2.000.000	2.000.000
-	Chi phí đi lại cho các chuyên gia tham gia Hội nghị (vé máy bay 3 người/ 1 lượt (đi và về)/1 năm Hà Nội - Hồ Chí Minh)	lượt	1	3	3	5.500.000	16.500.000
-	Chi phí xe ô tô đi từ Hà Nội đến sân bay Nội Bài (3 người/ 1 lượt/1 năm)	lượt	1		1	2.000.000	2.000.000
-	Chủ trì hội thảo	buổi	1	1	1	700.000	700.000
-	Chi phí chuyên gia phản biện	Báo cáo	1	3	3	2.000.000	6.000.000
-	Thư ký	buổi	1	1	1	200.000	200.000
-	Đại biểu được mời tham dự	buổi	1	24	24	150.000	3.600.000
-	Chi phí xe ô tô từ sân bay Tân Sơn Nhất đến Đồng Nai và ngược lại (3 người/ 1 lượt/1 năm)	lượt	1		1	2.000.000	2.000.000
-	Thuê phòng nghỉ cho chuyên gia tại TP. Biên Hòa (3 người * 1 đợt/ 2 đêm)	Phòng	6		6	450.000	2.700.000
-	Chi giải khát giữa giờ	Ngày	1	30	30	40.000	1.200.000
-	Văn phòng phẩm phục vụ hội nghị (tài liệu, văn phòng phẩm phát cho đại biểu tham dự hội nghị)	người	1	30	30	100.000	3.000.000

Ghi chú:

Tổng số đại biểu tham dự hội nghị:	30 người
Tư vấn	3
Chuyên gia	3
Chi cục Kiểm lâm, Hạt Kiểm lâm	8
Sở TC	1
Sở KHĐT	1
Sở KHCN	1
Sở NN	2
Sở TNMT	2
UBND huyện Xuân Lộc	2
Ban QLVR Di tích quốc gia núi Chứa Chan	2
UBND 5 xã	5